

Số: 880/TB-DTKV.VIII

Nghệ An, ngày 05 tháng 10 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

Căn cứ Luật Đấu giá Tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 và Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị định số 172/2024/NĐ-CP ngày 27/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư số 20/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ tư pháp quy định cơ chế, chính sách về giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá; chi phí đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, chi phí thông báo công khai việc đấu giá trên cổng đấu giá tài sản quốc gia, chi phí sử dụng cổng đấu giá tài sản quốc gia để đấu giá bằng hình thức trực tuyến;

Căn cứ Nghị quyết số 66.21/2026/NQ-CP ngày 26/6/2026 của Chính phủ về việc ban hành cơ chế, chính sách đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai đấu giá trực tuyến theo quy định của Luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 5711/QĐ-BCA-H01 ngày 10/9/2026 của Bộ Công an về việc phê duyệt mức chi phí sử dụng Hệ thống đấu giá trực tuyến tạm tính.

Căn cứ công văn số 2157/CDT-TCQLH ngày 22/9/2026 của Cục Dự trữ Nhà nước về sử dụng Hệ thống đấu giá trực tuyến;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-DTKV.VIII ngày 04/8/2026 của Chi cục trưởng Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực VIII về việc thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ, nguyên liệu vật tư, vật liệu thu hồi năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 425/QĐ-DTKV.VIII ngày 17/9/2026 của Chi cục trưởng Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực VIII về việc phê duyệt kế hoạch bán đấu giá tài sản thanh lý năm 2026 là tài sản, công cụ dụng cụ, nguyên liệu, vật tư, vật liệu thu hồi;

Căn cứ Quyết định số 438/QĐ-DTKV.VIII ngày 25/9/2026 của Chi cục trưởng Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực VIII về việc điều chỉnh kế hoạch bán



đấu giá tài sản thanh lý năm 2026 là tài sản, công cụ dụng cụ, nguyên liệu, vật tư, vật liệu thu hồi.

Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực VIII thông báo về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản như sau:

1. Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá

- Tên của người có tài sản đấu giá: Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực VIII.

- Địa chỉ: Số 358 V.I. Lê Nin, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.

2. Tên tài sản, số lượng, chất lượng của tài sản đấu giá:

Tên tài sản, số lượng, chất lượng của tài sản đấu giá: *Chi tiết theo phụ lục I đính kèm.*

3. Giá khởi điểm của tài sản đấu giá: 223.668.120 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm sáu mươi tám ngàn, một trăm hai mươi đồng*). Giá trên không bao gồm thuế GTGT, các loại thuế, phí và các chi phí khác có liên quan.

- Địa điểm để tài sản đấu giá: Tại các Điểm kho dự trữ và văn phòng Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực VIII.

4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:

- Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản phải bảo đảm theo đúng các tiêu chí quy định tại Khoản 4 Điều 56 Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 37/2024/QH15 và Phụ lục I Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15.

- Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn là tổ chức có tổng số điểm cao nhất của tất cả các tiêu chí cộng lại. Trường hợp có từ hai tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trở lên có tổng số điểm cao nhất bằng nhau thì Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực VIII xem xét, quyết định lựa chọn một trong các tổ chức đó.

5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:

5.1. Thời gian nộp: Kể từ ngày thông báo đến trước 17h00 ngày 09/10/2026 (trong giờ hành chính).

Hình thức nộp: Nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính (Đối với trường hợp nộp qua đường bưu chính thì thời gian nhận được tính tại thời điểm văn thư Chi cục DTNN khu vực VIII ký nhận từ đơn vị chuyển phát).

5.2. Địa điểm nộp: Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực VIII, Số 358 đường V.I Lê Nin, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.

5.3. Số điện thoại liên hệ: 02383.846.065.

5.4. Hồ sơ tham gia lựa chọn của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản: Hồ sơ tham gia được in bìa, đóng tập, bao gồm:

- Bảng tự chấm điểm và các tài liệu chứng minh theo các tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức hành nghề đấu giá tài sản quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản chịu trách nhiệm đối với thông tin, giấy tờ, tài liệu chứng minh trong hồ sơ tham gia lựa chọn của mình;

- Bản chào giá dịch vụ gồm giá dịch vụ đấu giá, chi phí sử dụng hệ thống đấu giá trực tuyến, chi phí đấu giá tài sản (Giá báo giá trên đã bao gồm các loại thuế theo luật định);

Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực VIII không hoàn trả hồ sơ đối với những tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được lựa chọn.

6. Hình thức đấu giá: Theo hình thức đấu giá trực tuyến.

Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản phải thực hiện đấu giá trực tuyến thông qua Hệ thống đấu giá trực tuyến do Bộ Công an xây dựng, quản lý và vận hành.

Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực VIII kính mời các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản quan tâm, nộp hồ sơ tham gia./

Nơi nhận:

- Hệ thống đấu giá trực tuyến (đăng tin);
- Cổng đấu giá tài sản quốc gia (đăng tin);
- Website Cục Dự trữ Nhà nước (đăng tin);
- Lãnh đạo Chi cục;
- Lưu: VT, TCKT (07b).

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Phan Đình Tuấn



DANH MỤC TÀI SẢN, CÔNG CỤ DÙNG CỤ, NGUYÊN LIỆU, VẬT LI, VÀ LỆNH THỰC HIỆN (VIII)

ĐƯỠNG THƯỜNG KIỆT báo số 880/QĐ-DK.VIII ngày 03/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc

КНУ УССТІІ

Stt	Tên tài sản/Địa điểm	Đơn vị tính	Đơn vị/Người quản lý	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Chất lượng tài sản
	ĐIỂM KHO ĐK1.KV8 XÓM YÊN LÝ THƯỢNG, XÃ HÙNG CHÂU, TỈNH NGHỆ AN						4.739.400	
	TÀI SẢN				2		1.030.000	
1	Máy chủ HP Proliant DL 380 Generation	Cái	Kho DT Yên Lý	2013	1	1.000.000	1.000.000	Hư hỏng, hết hao mòn, không sử dụng được
2	Bộ thiết bị mã vạch	Chiếc	Kho DT Yên Lý	2014	1	30.000	30.000	Hư hỏng, hết hao mòn, không sử dụng được
	CÔNG CỤ DỤNG CỤ				4		1.010.600	
1	Hàng rào thép gai.	Hàng rào	Kho DT Yên Lý	2017	1	110.600	110.600	Đã bị hư hỏng, gỉ thép, đứt gãy
2	Điều hòa 12.000 BTU/H	cái	Kho DT Yên Lý	2011	3	300.000	900.000	Đã bị hư hỏng, không còn hoạt động được
	MÀNG				1.773,80		2.660.700	
1		m2	Kho DT Yên Lý	2020	1.270	1.500	1.905.000	Đã rách thùng, gãy, khô cứng
2	Màng PVC gạo, dày 0,5 mm	m2	Kho DT Yên Lý	2021	391	1.500	586.500	Đã rách thùng, gãy, khô cứng
3		m2	Kho DT Yên Lý	2025	112,80	1.500	169.200	Đã rách thùng, gãy, khô cứng
	VẬT TƯ, VẬT LIỆU, CCDC, NVL, THU HỒI SAU XUẤT KHO NĂM 2026						38.100	
1	Ống dẫn khí PVC ø 34	m	Kho DT Yên Lý	2024	25,60	1.000	25.600	Hư hỏng, mòn roăng
2	Van khóa + cút	bộ	Kho DT Yên Lý	2024	7	500	3.500	Hư hỏng, không sử dụng được
3	Manomet	cái	Kho DT Yên Lý	2024	7	1.000	7.000	Hư hỏng, không sử dụng được

Stt	Tên tài sản/Địa điểm	Đơn vị tính	Đơn vị/Người quản lý	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Chất lượng tài sản
4	Ống mềm nạp khí	m	Kho DT Yên Lý	2024	2	1.000	2.000	Hư hỏng, không sử dụng được
II	ĐIỂM KHO ĐK3.KV8 XÓM NGHỊ TRUNG 4, XÃ NGHỊ LỘC, TỈNH NGHỆ AN						100.774.100	
					3		1.350.000	
1	Máy chủ HP Proliant DL 380 Generation	Cái	Kho DT Nghi Lộc	2013	1	1.000.000	1.000.000	Đã hết giá trị sử dụng, bị hư hỏng không thể khắc phục và không sử dụng được
2	Máy điều hòa Panasonic 12000BTU	Cái	Kho DT Nghi Lộc	2014	1	300.000	300.000	Đã hết giá trị sử dụng, bị hư hỏng không thể khắc phục và không sử dụng được
3	Máy hàn nhựa Leister	Cái	Kho DT Nghi Lộc	2012	1	50.000	50.000	Đã hết giá trị sử dụng, bị hư hỏng không thể khắc phục và không sử dụng được
	CÔNG CỤ DỤNG CỤ				18		325.000	
1	Âm kế đo nhiệt độ, độ ẩm môi trường	Cái	Kho DT Nghi Lộc	2017	2	20.000	40.000	Bị hỏng không sử dụng được
2	Lưỡi máy dán màng	Cái	Kho DT Nghi Lộc	2017	2	5.000	10.000	Bị hư hỏng, không thể sửa chữa và không sử dụng được
3	Nồi cơm điện	Cái	Kho DT Nghi Lộc	2018	1	10.000	10.000	Bị hỏng không nấu được
4	Quạt đứng	Cái	Kho DT Nghi Lộc	2018	1	20.000	20.000	Bị cháy mô tơ không hoạt động được
5	Quạt Senko	Cái	Kho DT Nghi Lộc	2022	1	20.000	20.000	Bị cháy mô tơ không hoạt động được
6	Máy đo nhanh thủy phần YM - 8E (seri: 147921)	Cái	Kho DT Nghi Lộc	2016	1	20.000	20.000	Bị hư hỏng, mòn trục nghiền, không hoạt động được
7	Máy đo nhanh thủy phần YM - 8E (seri: 147925)	Cái	Kho DT Nghi Lộc	2016	1	20.000	20.000	Bị hư hỏng, mòn trục nghiền, không hoạt động được
8	Xiên đo nhiệt độ, độ ẩm HMM Ba Lan (seri: HM 10308)	Cái	Kho DT Nghi Lộc	2016	1	10.000	10.000	Bị hư hỏng, không thể sửa chữa và không sử dụng được

Sst	Tên tài sản/Địa điểm	Đơn vị tính	Đơn vị/Người quản lý	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Chất lượng tài sản
9	Bài radio An FmSw	Cái	Kho DT Nghi Lộc	2022	1	5.000	5.000	Bị hư hỏng, không thể sửa chữa và không sử dụng được
10	Bài radio Sony	Cái	Kho DT Nghi Lộc	2023	1	5.000	5.000	Bị hư hỏng, không thể sửa chữa và không sử dụng được
11	Tủ đựng tài liệu Mã hiệu DC1350H10	Cái	Kho DT Nghi Lộc		1	30.000	30.000	Bị bong rộp, sắp sệ, hư hỏng
12	Bình nóng lạnh Aiston (AN30LUX Electrolux)	Cái	Kho DT Nghi Lộc	2018	1	20.000	20.000	Bị hư hỏng, không thể sửa chữa và không sử dụng được
13	Bảng tên dây nhà kho	Cái	Kho DT Nghi Lộc	2022	1	5.000	5.000	Bị rơi gãy hư hỏng không sử dụng đc
14	Máy cắt cỏ chạy xăng VB-25 (GX25TSD) hiệu Volga	Cái	Kho DT Nghi Mỹ	2023	1	100.000	100.000	Bị hư hỏng, không thể sửa chữa và không sử dụng được
15	Bảng nội quy	Cái	Kho DT Nghi Mỹ	2022	1	5.000	5.000	Chữ bị mờ, rách
16	Bảng nội quy	Cái	Kho DT Nghi Lộc	2024	1	5.000	5.000	Chữ bị mờ, thay đổi tên cơ quan
	MÀNG				2.488		3.732.000	
1	Màng năm 2020	m2	Kho DT Nghi Lộc	2020	1.244	1.500	1.866.000	Màng bị cứng, thùng, mối gián chấp nối nhiều; màng cũ và màng mới gián, không còn sử dụng được.
2	Màng năm 2021	m2	Kho DT Nghi Lộc	2021	256	1.500	384.000	Màng bị cứng, thùng, mối gián chấp nối nhiều; màng cũ và màng mới gián, không còn sử dụng được.
3	Màng năm 2022	m2	Kho DT Nghi Lộc	2022	988	1.500	1.482.000	Màng bị cứng, thùng, mối gián chấp nối nhiều; màng cũ và màng mới gián, không còn sử dụng được.
	VẬT TƯ, VẬT LIỆU, CCDC, NVL THU HỒI SAU XUẤT KHO NĂM 2026						47.100	

Sst	Tên tài sản/Địa điểm	Đơn vị tính	Đơn vị/Người quản lý	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Chất lượng tài sản
1	Van cầu	bộ	Kho DT Nghi Mỹ		4	500	2.000	Van cầu gậy vớ
2	Ống cứng	m	Kho DT Nghi Mỹ		41,1	1.000	41.100	Gậy vớ
3	Bộ đo áp	bộ	Kho DT Nghi Mỹ		4	1.000	4.000	Hư hỏng, một
	TÀI SẢN, VẬT LIỆU THU HỒI TRONG QUÁ TRÌNH BẢO DƯỠNG NĂM 2026						95.320.000	
1	Tôn lợp	m2	Kho DT Nghi Mỹ		500	20.400	10.200.000	Hỏng, không tái sử dụng được, tôn đã rỉ sét và cong vênh
2	Tôn lợp	m2	Kho DT Nghi Lộc		4.000	20.400	81.600.000	Hỏng, không tái sử dụng được, tôn đã rỉ sét và cong vênh
3	Cánh cửa sổ (kho K8)	cánh	Kho DT Nghi Lộc		20	120.000	2.400.000	Hỏng, không tái sử dụng được. Đã rỉ sét một số vị trí
4	Cánh cửa đi (kho K8) (BV 4x2m*4 cái)	cánh	Kho DT Nghi Lộc		4	280.000	1.120.000	Hỏng, không tái sử dụng được. Đã rỉ sét một số vị trí
III	ĐIỂM KHO ĐK4.KV8 XÓM LƯU SƠN 1, XÃ ĐỒ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN						10.980.250	
	TÀI SẢN				1		1.020.000	
1	Bộ thiết bị mã vạch	Chiếc	Kho DT Đồ Lương	2014	1	30.000	30.000	Hỏng, không tái sử dụng được
	CÔNG CỤ DỤNG CỤ				10			
1	Máy hút khí HC- 30 (Số ri: 14000026)	Cái	Kho DT Đồ Lương		1	20.000	20.000	Hỏng, không sử dụng được
2	Máy đo nhanh thủy phần YM- 8E (Số ri: 147413)	Cái	Kho DT Đồ Lương	2014	1	20.000	20.000	Hỏng, không sử dụng được
3	Máy đo nhanh thủy phần YM- 8E (Số ri: 147415)	Cái	Kho DT Nam Đàn	2014	1	20.000	20.000	Hỏng, không sử dụng được
4	Cán bản cơ học TGT-500A	Cái	Kho DT Nam Đàn		1	440.000	440.000	Hỏng, không sử dụng được

Stt	Tên tài sản/Địa điểm	Đơn vị tính	Đơn vị/Người quản lý	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Chất lượng tài sản
5	Cần bàn cơ học TGT-500A	Cái	Kho DT Nam Dân		1	440.000	440.000	Hỏng, không sử dụng được
6	Bình bột chữa cháy	Cái	Kho DT Đỗ Lương; Thái Sơn; Nam Dân		5	10.000	50.000	Hỏng, không sử dụng được
	MÀNG				3.211		4.816.500	
1	Màng PVC	m2	Kho DT Đỗ Lương	2020	502	1.500	753.000	Hư hỏng, hết thời gian tái sử dụng
2	Màng PVC	m2	Kho DT Đỗ Lương; Kho DT Thái Sơn	2021	2.117	1.500	3.175.500	Không còn đáp ứng cho công tác bảo quản, do đã xuống cấp, rách, thủng, hư hỏng và hết khả năng sử dụng
3	Màng PVC	m2	Kho DT Đỗ Lương; Kho DT Thái Sơn	2022	474	1.500	711.000	Không còn đáp ứng cho công tác bảo quản, do đã xuống cấp, rách, thủng, hư hỏng và hết khả năng sử dụng
4	Màng PVC	m2	Kho DT Thái Sơn	2023	29	1.500	43.500	không còn đáp ứng cho công tác bảo quản, do đã xuống cấp, rách, thủng, hư hỏng và hết khả năng sử dụng
5	Màng PVC	m2	Kho DT Thái Sơn	2025	89	1.500	133.500	Màng bị rách, thủng, hư hỏng và hết khả năng tái sử dụng
	VẬT TƯ, VẬT LIỆU, CCDC, NVL THU HỒI SÁU XUẤT KHO NĂM 2026						43.750	
1	Van cầu + cắt	bộ	Kho DT Đỗ Lương; Kho DT Thái Sơn		6	500	3.000	Hỏng, không sử dụng được
2	Ống dẫn khí bằng PVC ø34	m	Kho DT Đỗ Lương; Kho DT Thái Sơn		30	1.000	30.000	Hỏng, không sử dụng được
3	Ống mềm	m	Kho DT Đỗ Lương; Kho DT Thái Sơn		4,75	1.000	4.750	Hỏng, không sử dụng được
4	Manomet	cái	Kho DT Đỗ Lương; Kho DT Thái Sơn		6	1.000	6.000	Hỏng, không sử dụng được

Stt	Tên tài sản/Địa điểm	Đơn vị tính	Đơn vị/Người quản lý	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Chất lượng tài sản
	TÀI SẢN, VẬT LIỆU THU HỒI TRONG QUÁ TRÌNH BẢO DƯỠNG NĂM 2026				250		5.100.000	
1	Tôn lợp	m2	Kho DT Nam Đàn		250	20.400	5.100.000	Hỏng, không tái sử dụng được, tôn đã rỉ sét và cong vênh
IV	ĐIỂM KHO ĐK6+ĐK7.KV8 THÔN ĐỨC HƯƠNG QUANG, XÃ ĐỨC THỊNH, TỈNH HÀ TĨNH						15.220.900	
	TÀI SẢN				5		1.330.000	
1	Máy dán màng (serri: 141009067)	Chiếc	Phan Thị Chương	2014	1	30.000	30.000	Hỏng bộ phận cơ các mối dán không dính vào nhau
2	Cân điện tử TF1010 loại 1 tấn (Số seri:17120500DA).	Chiếc	Phan Thị Chương	2009	1	400.000	400.000	Cân cấp lâu năm nên trong quá trình sử dụng bị biến dạng đảm bản cân, gây ra lệch góc không chính xác khi cân có tải nặng
3	Máy điều hòa Panasonic 12000BTU	Cái	Kho Đức Lâm	2014	1	300.000	300.000	Điều hòa đã hư hỏng do sử dụng lâu năm, các linh kiện chính bị lão hóa, không thể sửa chữa.
4	Máy điều hòa nhiệt độ	Cái	Kho Đức Lâm	2015	1	300.000	300.000	Điều hòa đã hư hỏng do sử dụng lâu năm, các linh kiện chính bị lão hóa, không thể sửa chữa.
5	Máy điều hòa nhiệt độ	Cái	Kho Hồng Lĩnh	2015	1	300.000	300.000	Điều hòa đã hư hỏng do sử dụng lâu năm, các linh kiện chính bị lão hóa, không thể sửa chữa.
	CÔNG CỤ DÙNG CỤ				16		430.000	
1	Máy đo nhanh thủy phân	Chiếc	Phan Thị Chương	2014	1	20.000	20.000	Không sử dụng được
2	Máy phun thuốc có động cơ	Cái	Phan Thị Chương	2015	1	50.000	50.000	Không sử dụng được
3	Bình chữa cháy MFZ4	Cái	Phan Thị Chương		10	10.000	100.000	Không sử dụng được

Sst	Tên tài sản/Địa điểm	Đơn vị tính	Đơn vị/Người quản lý	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Chất lượng tài sản
4	Bàn ghế mặt đá khung inox Hòa Phát 01 bàn và 6 ghế	Bộ	Kho DT Đức Lâm		1	30.000	30.000	Không sử dụng được
5	UPS máy trạm (Santak TG 1000)	Cái	Kho DT Đức Lâm		2	100.000	200.000	Không sử dụng được
6	Máy khoan điện	Cái	Kho DT Đức Lâm		1	30.000	30.000	Không sử dụng được
	MÀNG				5.241		7.861.500	
								Màng bị cứng, thùng, mối dán chấp nối nhiều; màng cũ và màng mới dán, không còn sử dụng được.
1	Màng PVC (2025)	m2	Kho DT Đức Lâm	2025	50	1.500	75.000	Màng bị cứng, thùng, mối dán chấp nối nhiều; màng cũ và màng mới dán, không còn sử dụng được.
				2025	266	1.500	399.000	Màng bị cứng, thùng, mối dán chấp nối nhiều; màng cũ và màng mới dán, không còn sử dụng được.
2	Màng PVC (2024)	m2	Kho DT Đức Lâm	2024	1.050	1.500	1.575.000	Màng bị cứng, thùng, mối dán chấp nối nhiều; màng cũ và màng mới dán, không còn sử dụng được.
3	Màng PVC(2022)	m2	Kho DT Đức Lâm	2022	1.325	1.500	1.987.500	Màng bị cứng, thùng, mối dán chấp nối nhiều; màng cũ và màng mới dán, không còn sử dụng được.
4	Màng PVC(2021)	m2	Kho DT Đức Lâm	2021	2.550	1.500	3.825.000	Màng bị cứng, thùng, mối dán chấp nối nhiều; màng cũ và màng mới dán, không còn sử dụng được.
	VẬT TƯ, VẬT LIỆU, CCDC, NVL THU HỒI SAU XUẤT KHO NĂM 2026						79.400	
1	Ống dẫn khí bằng PVC ø34	m	Các kho dự trữ		52,20	1.000	52.200	Ống bị hư hỏng, nứt vỡ, gây chấp nối nhiều lần, không còn sử dụng được.
2	Van khóa + cút	bộ	Kho DT Đức Lâm		8	500	4.000	Bi nhựa bị mòn, lòng, để bị hỏ, không đảm bảo độ kín, không còn sử dụng được
3	Manomet	cái	Kho DT Đức Lâm		8	1.000	8.000	Bị mờ các vạch chia milimet, nứt nẻ, mối mọt, không còn sử dụng được
4	Ống mềm (để nạp khí)	m	Kho DT Đức Lâm		15,20	1.000	15.200	Bị hư hỏng, gây gây rò khí khi nạp khí

Sst	Tên tài sản/Địa điểm	Đơn vị tính	Đơn vị/Người quản lý	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Chất lượng tài sản
	TÀI SẢN, VẬT LIỆU THU HỒI TRONG QUÁ TRÌNH BẢO DƯỠNG NĂM 2026						5.520.000	
1	Tồn	m2	Kho DT Đức Lâm		250	20.400	5.100.000	Hỏng, không tái sử dụng được, tôn dĩa ri sét và cong vênh
2	Bồn chứa nước	Cái	Kho DT Đức Lâm		1	420.000	420.000	Không còn khả năng sử dụng
V	ĐIỂM KHO ĐK8.KV8 THÔN HƯNG MỸ, XÃ CẨM BÌNH, TỈNH HÀ TĨNH						16.778.000	
	TÀI SẢN				8		6.830.000	
1	Điều hòa	Cái	Kho DT Cẩm Thạch	2018	1	300.000	300.000	Máy không hoạt động
2	Điều hòa	Cái	Kho DT Cẩm Thạch	2018	1	300.000	300.000	Máy không hoạt động
3	Máy vi tính để bàn Dell OptiPlex 3060SFF	Cái	Kho DT Cẩm Thạch	2018	1	50.000	50.000	Máy không hoạt động
4	Bảng tài di động.	Cái	Kho DT Cẩm Thạch	2010	1	4.000.000	4.000.000	Máy không hoạt động
5	Máy dán màng (Sery: 140827051)	Cái	Kho DT Cẩm Thạch	2014	1	30.000	30.000	Máy không hoạt động
6	Máy dán màng (Sery: 141009065)	Cái	Kho DT Cẩm Thạch	2014	1	30.000	30.000	Máy không hoạt động
7	Máy đo nồng độ khí Co2 Atmocheck (Sery 106155)	Cái	Kho DT Cẩm Thạch	2013	1	20.000	20.000	Máy không hoạt động
8	Máy phát điện Hữu Toàn (Model: GX 630R-11,5KVA; HG1600SDC; 2010)	Cái	Kho DT Cẩm Thạch	2010	1	2.100.000	2.100.000	Máy không hoạt động
	CÔNG CỤ DỤNG CỤ				47		648.000	
1	Xiên đo nhiệt độ, độ ẩm (Từ TS sang theo đối CC)	Cái	Kho DT Cẩm Thạch		1	10.000	10.000	Hư hỏng, không sử dụng được
2	Máy đo nhanh thủy phần Wile55 (Sê ri: M119-GM380185) (Từ TS sang theo đối CC)	Cái	Kho DT Cẩm Thạch		1	20.000	20.000	Hư hỏng, không sử dụng được
3	Ghế hội trường	Cái	Kho DT Cẩm Thạch ; Thạch Hà		6	5.000	30.000	Hư hỏng, không sử dụng được

Stt	Tên tài sản/Địa điểm	Đơn vị tính	Đơn vị/Người quản lý	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Chất lượng tài sản
4	Kết bực	Cái	Kho DT Cẩm Thạch		1	150.000	150.000	Hư hỏng, không sử dụng được
5	Bàn ghế làm việc	Cái	Kho DT Cẩm Thạch		2	10.000	20.000	Hư hỏng, không sử dụng được
6	Tủ đựng tài liệu	Cái	Kho DT Cẩm Thạch		2	30.000	60.000	Hư hỏng, không sử dụng được
7	Bục để tượng Bác chất liệu bằng gỗ	Cái	Kho DT Cẩm Thạch		1	5.000	5.000	Hư hỏng, không sử dụng được
8	Bàn ghế làm việc cho cán bộ quản lý	Cái	Kho DT Cẩm Thạch		2	10.000	20.000	Hư hỏng, không sử dụng được
9	Tủ sắt đựng tài liệu	Cái	Kho DT Cẩm Thạch		2	30.000	60.000	Hư hỏng, không sử dụng được
10	Bàn đồ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tỷ lệ 1/2.300.000	Cái	Kho DT Cẩm Thạch	2023	2	1.000	2.000	Hư hỏng, không sử dụng được
11	Bàn đồ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tỷ lệ 1/2.300.000	Cái	Kho DT Cẩm Thạch	2023	2	1.000	2.000	Hư hỏng, không sử dụng được
12	Bình thủy Sharp	Cái	Kho DT Cẩm Thạch	2023	1	3.000	3.000	Hư hỏng, không sử dụng được
13	Máy cưa	Cái	Kho DT Cẩm Thạch	2023	1	50.000	50.000	Hư hỏng, không sử dụng được
14	Máy khoan	Cái	Kho DT Cẩm Thạch	2024	1	30.000	30.000	Hư hỏng, không sử dụng được
15	Máy khoan	Cái	Kho DT Cẩm Thạch	2025	1	30.000	30.000	Hư hỏng, không sử dụng được
16	Thang sắt	Cái	Kho DT Cẩm Thạch		3	20.000	60.000	Hư hỏng, không sử dụng được
17	Xăng	Cái	Kho DT Cẩm Thạch		6	3.000	18.000	Hư hỏng, không sử dụng được
18	Cuốc	Cái	Kho DT Cẩm Thạch		6	3.000	18.000	Hư hỏng, không sử dụng được
19	Bình khí CO2	Cái	Kho DT Cẩm Thạch		2	10.000	20.000	Hư hỏng, không sử dụng được

S/tt	Tên tài sản/Địa điểm	Đơn vị tính	Đơn vị/Người quản lý	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Chất lượng tài sản
20	Bình chữa cháy	Cái	Kho DT Cẩm Thạch		4	10.000	40.000	Hư hỏng, không sử dụng được
	MÀNG				4.892		7.338.000	
1	Màng PVC	m2	Kho DT Thạch Tân	2020	10	1.500	15.000	Màng bị lão hóa, vỡ vụn hư hỏng
2	Màng PVC	m2	Kho DT Thạch Tân	2021	2.653	1.500	3.979.500	Màng bị lão hóa, vỡ vụn hư hỏng
3	Màng PVC	m2	Kho DT Thạch Tân	2022	848	1.500	1.272.000	Màng bị cứng, thùng, mối dán chấp nối nhiều; màng cũ và màng mới dán, không còn sử dụng được.
4	Màng PVC	m2	Kho DT Thạch Tân	2023	1.163	1.500	1.744.500	Màng bị cứng, thùng, mối dán chấp nối nhiều; màng cũ và màng mới dán, không còn sử dụng được.
5	Màng PVC	m2	Kho DT Cẩm Thạch	2025	218	1.500	327.000	Màng bị cứng, thùng, mối dán chấp nối nhiều; màng cũ và màng mới dán, không còn sử dụng được.
	VẬT TƯ, VẬT LIỆU, CCDC, NVL THU HỒI SAU XUẤT KHO NĂM 2026						102.000	
1	Van cầu + cút	bộ	Kho DT Cẩm Thạch	2021; 2022	13	500	6.500	Hư hỏng, không sử dụng được
2	Ống hút, dẫn khí bằng PVC Ø 34	m	Kho DT Cẩm Thạch	2021;2022 2024; 2025	59	1.000	59.000	Hư hỏng, không sử dụng được
3	Ống nhựa chịu áp lực	m	Kho DT Cẩm Thạch	2021; 2022	23,50	1.000	23.500	Hư hỏng, không sử dụng được
4	Bộ phận đo áp (manomet)	bộ	Kho DT Cẩm Thạch	2021;2022	12	1.000	12.000	Hư hỏng, không sử dụng được
5	Thước giây	cuộn	Kho DT Cẩm Thạch	2022	1	1.000	1.000	Hư hỏng, không sử dụng được

Stt	Tên tài sản/Địa điểm	Đơn vị tính	Đơn vị/Người quản lý	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Chất lượng tài sản
	TÀI SẢN, VẬT LIỆU THU HỒI TRONG QUÁ TRÌNH BẢO DƯỠNG NĂM 2026				100		1.860.000	
	Tôn lợp	m2	Kho DT thạch Tân		100	18.600	1.860.000	Hỏng, không tái sử dụng được, tôn đã rỉ sét và cong vênh
VI	ĐIỂM KHO ĐK12.KV8 XOM ĐÔNG NHÂN, XÃ YÊN THÀNH, TỈNH NGHỆ AN						5.928.670	
	TÀI SẢN				3		1.000.000	
1	Cần bàn điện từ số 75137030	Cái	Kỹ thuật bảo quản	2006	1	400.000	400.000	Cần cấp sử dụng lâu năm nên trong quá trình sử dụng bị dầm bàn cần gây nên lệch góc không chính xác
2	Máy điều hòa Panasonic	Cái	Kho DT Yên Trung	2015	1	300.000	300.000	Hư hỏng, không sử dụng được
3	Hệ thống làm mát phòng máy chủ (Điều hòa)	Cái	Kho DT Yên Trung	2017	1	300.000	300.000	Hư hỏng, không sử dụng được
	CÔNG CỤ DỤNG CỤ				41		522.000	
1	Thang chữ A bằng Inox cao 1,7m	Cái	Kho DT Yên Trung		1	50.000	50.000	Hư hỏng, không sử dụng được
2	Quần áo PCCC & CNCH	Cái	Kho DT Chợ Bông		1	1.000	1.000	Cũ, rách, không sử dụng được
3	Thang tre	Cái	Kho DT Yên Trung		2	1.000	2.000	Hư hỏng, không sử dụng được
4	Quạt trần	Cái	Kho DT Yên Trung		5	20.000	100.000	Hư hỏng, không sử dụng được
5	Quạt treo tường Senko	Cái	Kho DT Yên Trung		1	20.000	20.000	Hư hỏng, không sử dụng được
6	Quạt treo tường Đài Loan	Cái	Kho DT Yên Trung		2	20.000	40.000	Hư hỏng, không sử dụng được
7	Máy in Canon LBP	Cái	Kho DT Yên Trung		1	10.000	10.000	Hư hỏng, không sử dụng được

Stt	Tên tài sản/Địa điểm	Đơn vị tính	Đơn vị/Người quản lý	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Chất lượng tài sản
8	Ám trà	Cái	Kho DT Chợ Bộng		1	1.000	1.000	Hư hỏng, không sử dụng được
9	Ám điện	Cái	Kho DT Yên Trung		1	3.000	3.000	Hư hỏng, không sử dụng được
10	Máy tính Casio	Cái	Kho DT Yên Trung		1	1.000	1.000	Hư hỏng, không sử dụng được
11	Dao chặt cây	Cái	Kho DT Yên Trung		1	5.000	5.000	Hư hỏng, không sử dụng được
12	Xe rửa	Cái	Kho DT Yên Trung		1	120.000	120.000	Hư hỏng, không sử dụng được
13	Cốc thủy tinh	Cái	Kho DT Yên Trung		10	1.000	10.000	Hư hỏng, không sử dụng được
14	Bàn đập ghim	Cái	Kho DT Yên Trung		1	1.000	1.000	Hư hỏng, không sử dụng được
15	Xoong nhôm	Cái	Kho DT Yên Trung		2	2.000	4.000	Hư hỏng, không sử dụng được
16	Ổ cắm lioa đa năng	Cái	Kho DT Yên Trung		3	1.000	3.000	Hư hỏng, không sử dụng được
17	Ổ cắm lioa	Cái	Kho DT Yên Trung		1	1.000	1.000	Hư hỏng, không sử dụng được
18	Bàn Inoc Hòa Phát KT 1,2mx0,7m	Chiếc	Kho DT Yên Trung		3	20.000	60.000	Hư hỏng, không sử dụng được
19	Giường 1,2m	Cái	Kho DT Yên Trung		3	30.000	90.000	Hư hỏng, không sử dụng được
	MÀNG				2.890		4.335.000	
1		m2		2022	1.094	1.500	1.641.000	Màng bị cứng, thùng, mồi dán chấp nổi nhiều, không còn sử dụng được.
2	Màng PVC		Kho DT Yên Trung	2021	1580	1.500	2.370.000	Màng bị cứng, thùng, mồi dán chấp nổi nhiều, không còn sử dụng được.

Sst	Tên tài sản/Địa điểm	Đơn vị tính	Đơn vị/Người quản lý	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Chất lượng tài sản
3		m2		2025	216	1.500	324.000	Màng bị thủng, mối dán chấp nối nhiều, không còn sử dụng được.
	VẬT TƯ, VẬT LIỆU, CCDC, NVL THU HỒI SÀU XUẤT KHO NĂM 2026						71.670	
1	Ông dẫn khí bằng PVC ø34	m	Kho DT Yên Trung	2022;2024	26	1.000	26.000	Hư hỏng, không sử dụng được
2	Van khóa + cút	bộ	Kho DT Yên Trung		6	500	3.000	Hư hỏng, không sử dụng được
3	Manomet	Cái	Kho DT Yên Trung		5	1.000	5.000	Hư hỏng, không sử dụng được
4	Ông mềm để nạp khí	m	Kho DT Yên Trung		12	1.000	12.000	Hư hỏng, không sử dụng được
5	Ông nhựa nhỏ 10	m	Kho DT Yên Trung		3,2	200	640	Hư hỏng, không sử dụng được
6	Ông dẫn khí bằng PVC ø34	m	Kho DT Yên Trung	2021	14	1.000	14.000	Hư hỏng, không sử dụng được
7	Van khóa + cút	bộ	Kho DT Yên Trung		3	500	1.500	Hư hỏng, không sử dụng được
8	Manomet	Cái	Kho DT Yên Trung		3	1.000	3.000	Hư hỏng, không sử dụng được
9	Ông mềm để nạp khí	m	Kho DT Yên Trung	2021; 2025	5,33	1.000	5.330	Hư hỏng, không sử dụng được
10	Ông nhựa nhỏ 10	m	Kho DT Yên Trung	2025	6	200	1.200	Hư hỏng, không sử dụng được
VII	ĐIỂM KHO ĐK13.KV8 SỞ 3, ĐƯỜNG PHAN BỘI CHÂU, PHƯỜNG VINH HƯNG, TỈNH NGHỆ AN				2		67.544.000	
	TÀI SẢN				2		6.300.000	
1	Máy dán màng	Cái	Kho DT Hưng Đông	2013	1	30.000	30.000	Hỏng IC, các bộ phận hỏng không thay thế được
2	Xe nâng hàng CDD-10H Trung Quốc	Cái	Kho DT Công Nghệ Phẩm	2012	1	6.270.000	6.270.000	Hỏng bộ phận xác điện, acquy, bánh xe không chạy
	CÔNG CỤ DỤNG CỤ				6		1.222.000	

Stt	Tên tài sản/Địa điểm	Đơn vị tính	Đơn vị/Người quản lý	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Chất lượng tài sản
1	Hộc đo tỷ trọng thóc	Cái	Kho DT Thái Lão	2005	1	2.000	2.000	Không sử dụng được
2	Máy đo nồng độ O ₂	Cái	ĐK13.KV8	2009	1	20.000	20.000	Không sử dụng được
3	Điều hòa nhiệt độ	Cái	Kho DT Công Nghệ Phẩm	2011	1	300.000	300.000	Máy điều hòa đã sử dụng nhiều năm, đã hư hỏng, không hoạt động; các linh kiện (dàn nóng, dàn lạnh...) xuống cấp, không còn khả năng sử dụng
4	Điều hòa nhiệt độ	Cái	Kho DT Công Nghệ Phẩm	2011	3	300.000	900.000	Máy điều hòa đã sử dụng nhiều năm, đã hư hỏng, không hoạt động; các linh kiện (dàn nóng, dàn lạnh...) xuống cấp, không còn khả năng sử dụng
	Màng				320		480.000	
1	Màng PVC 2023	m2	Kho DT Hưng Đông	2025	72	1.500	108.000	Không sử dụng được
2	Màng PVC 2025	m2	Kho DT Hưng Đông	2025	100	1.500	150.000	Không sử dụng được
3	Màng PVC 2025	m2	Kho DT Hưng Đông	2025	148	1.500	222.000	Không sử dụng được
	VẬT TƯ, VẬT LIỆU, CCDC, NVL THU HỒI SAU XUẤT KHO NĂM 2026						6.000	
1	Ống nhựa mềm	m	Kho DT Hưng Đông	2025	2	1.000	2.000	Không sử dụng được
2	Ống nhựa cứng	m	Kho DT Hưng Đông	2025	4	1.000	4.000	Không sử dụng được
	TÀI SẢN, VẬT LIỆU THU HỒI TRONG QUÁ TRÌNH BẢO DƯỠNG NĂM 2026						59.536.000	
1	Tôn mái	m2	Kho DT Công Nghệ Phẩm		1.200	20.400	24.480.000	Hỏng, không tái sử dụng được, tôn đã rỉ sét và cong vênh
2	Xà gỗ C150x65	Thanh	Kho DT Công Nghệ Phẩm		18	224.000	4.032.000	Không còn khả năng sử dụng, đã rỉ sét và cong vênh

Stt	Tên tài sản/Địa điểm	Đơn vị tính	Đơn vị/Người quản lý	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Chất lượng tài sản
3	Cửa khung sắt bít tôn	Cánh	Kho DT Công Nghệ Phẩm		4	256.000	1.024.000	Hỏng, không tái sử dụng được, đã rỉ sét
4	Cửa lưới thép	Cánh	Kho DT Công Nghệ Phẩm		4	360.000	1.440.000	Không còn khả năng sử dụng. Đã rỉ sét một số vị trí
5	Tôn mái	m2	Kho DT Thái Lão		500	20.400	10.200.000	Hỏng, không tái sử dụng được, tôn đã rỉ sét và cong vênh
6	Tôn mái	m2	Kho DT Hưng Đông		900	20.400	18.360.000	Hỏng, không tái sử dụng được, tôn đã rỉ sét và cong vênh
VIII	VĂN PHÒNG CHI CỤC DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC KHU VỰC VIII SỐ 358, ĐƯỜNG V.1. LÊ NIN, PHƯỜNG TRƯỜNG VINH, TỈNH NGHỆ AN						1.702.800	
	TÀI SẢN				3		120.000	
1	Máy đo nồng độ khí PH3	cái	Phòng Kỹ thuật bảo quản	2016	1	20.000	20.000	hư hỏng, không thể sử dụng
2	Máy vi tính để bàn Dell OptiPlex 3060SFF	Cái	Phòng TCHCKT	2018	1	50.000	50.000	hư hỏng, không thể sử dụng
3	Máy vi tính để bàn Dell OptiPlex 3060SFF	Cái	Phòng TCHCKT	2018	1	50.000	50.000	hư hỏng, không thể sử dụng
	CÔNG CỤ DỤNG CỤ				1		10.000	
1	Máy in A4 HP Laser Jet P2015	Cái	Phòng TCHCKT		1	10.000	10.000	hư hỏng, không thể sử dụng
	TÀI SẢN, VẬT LIỆU THU HỒI TRONG QUÁ TRÌNH BẢO DƯỠNG NĂM 2026						1.572.800	
1	Tôn lợp	m2	Văn phòng Chi cục		48	18.600	892.800	Rỉ sét và cong vênh
2	Thép ống phi ø 90	Thanh	Văn phòng Chi cục		5	136.000	680.000	Rỉ sét một số vị trí
	Tổng cộng						223.668.120	

Phụ lục II
BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM
TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
 (Kèm theo Thông báo số 10/TB-DTKV.VIII ngày 08 tháng 10 năm 2026
 của Chi cục Dự trữ Nhà nước khu vực VIII)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giú, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57,0
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15,0
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12,0
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13,0
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14,0
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15,0
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: $\text{Số điểm của B} = (U \times 3) / Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì	

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
	số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0
6.	Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	4,0
7.1	Dưới 05 năm	2,0
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0
8.	Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0
8.2	Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	5,0
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
9.2	<i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>	4,0
9.3	<i>Từ 100 triệu đồng trở lên</i>	5,0
V	Tiêu chí khác	7,0
1.	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	2,0
2.	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh nơi có tài sản đấu giá (tỉnh Nghệ An hoặc tỉnh Hà Tĩnh), không bao gồm trụ sở chi nhánh	2,0
3.	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có bản cam kết đã được cấp tài khoản hoạt động trên hệ thống đấu giá trực tuyến do Bộ Công an xây dựng, quản lý và vận hành.	3,0
Tổng số điểm		99